

Bản án số: **75** /2019/HNGĐ-ST

Yên Thành, ngày 14 tháng 8 năm 2019

Ngày: 14/8/2019

V/v: "Tranh chấp về hôn nhân và gia đình"

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - NGHỆ AN**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Văn Giang.

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Dũng.
2. Ông Phạm Xuân Thanh.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Phan Thanh Hà – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành – tỉnh Nghệ An.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thành tham gia phiên tòa:***  
Không tham gia.

Ngày 14 tháng 8 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 262/2019/TLST - HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2019 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2019/QĐST-HPT ngày 01 tháng 8 năm 2019 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Anh **Thái Tuấn P** – sinh năm 1975

Địa chỉ cư trú: xóm Đ, xã V, huyện Y, tỉnh N.(có mặt)

***2. Bị đơn:*** Chị **Phan Thị Sinh** – sinh năm 1983.

Địa chỉ cư trú: xóm Đ, xã V, huyện Y, tỉnh N.( Có đơn xin xét xử vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 31 tháng 5 năm 2019 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Thái Tuấn P trình bày: Anh và chị Phan Thị S có tổ chức đám cưới và chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay, hai bên không làm thủ tục đăng ký kết hôn tại chính quyền địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2013 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân chủ yếu do tính tình hai bên không hợp nhau, thường xuyên xảy ra va chạm, cãi vã, xúc phạm lẫn nhau. Nhất là thời gian gần đây mâu thuẫn thực sự căng thẳng, trầm trọng. Hai bên đã sống ly thân được hơn nửa năm nay, không còn tình cảm, tình nghĩa gì với nhau nữa. Do hai bên không có đăng ký kết hôn theo quy định nên anh đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị Sinh.

Tại bản tự khai đề ngày 26/6/2019 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Phan Thị S trình bày: Chị thừa nhận chị và anh P có tổ chức đám cưới và về chung sống với nhau từ năm 1999 đến nay, không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng và trầm trọng. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, thường xuyên xúc phạm lẫn nhau. Hiện tại hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ qua lại gì với nhau nữa. Nay anh P đề nghị Tòa án xử không công nhận quan hệ vợ chồng giữa 2 bên thì chị hoàn toàn nhất trí.

- **Về con chung:** Anh P, chị Sinh thống nhất có 2 con chung là: Thái Tuấn D – sinh ngày 01/8/2000(đã trưởng thành) và Thái Phương L – sinh ngày 17/7/2003. Ly hôn thỏa thuận giao con chung là cháu L cho chị Sinh tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, chị S không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- **Về tài sản chung:** Anh P, chị S thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết.

#### NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, hội đồng xét xử nhận định:

Đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1, 7 điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Bị đơn chị Phan Thị S đã được tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Vì vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự mở phiên tòa xét xử vắng mặt bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân.:

Xét hôn nhân giữa anh P và chị S có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên không được xem là hợp pháp. Sau ngày cưới hai bên chung sống tình cảm, hạnh phúc, được khoảng 14 năm thì phát sinh mâu thuẫn, ngày một căng thẳng, trầm trọng. Nguyên nhân là do tính tình không phù hợp, thường xuyên xảy ra bất đồng, xúc phạm lẫn nhau. Hai bên đã sống ly thân, không còn quan hệ, tình cảm gì với nhau nữa. Mặc dù anh P, chị S thống nhất giải phóng cho nhau, nhưng do không có đăng

ký kết hôn nên Tòa án không thể ra quyết định công nhận thuận tình ly hôn mà cần phải áp dụng điểm b khoản 3 Nghị quyết 35/2000/QH 10, ngày 09/6/2000 của Quốc hội; khoản 1 điều 9 và khoản 1 điều 14 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014, xử không công nhận anh Phương và chị Sinh là vợ chồng.

- Về con chung: Anh P và chị S có 2 con chung như đã nêu ở trên. Tuy nhiên cháu D hiện đã đủ 18 tuổi trưởng thành, cháu L bước sang tuổi 17. Ly hôn hai bên thống nhất giao cháu L cho chị S tiếp tục nuôi dưỡng cho đến 18 tuổi trưởng thành. Xét hiện tại cháu L đang sinh sống cùng chị S, nguyện vọng của cháu L cũng muốn tiếp tục được sống cùng mẹ. Thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, đúng pháp luật nên cần được chấp nhận. Do chị S không yêu cầu nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết nên miễn xét.

- Về án phí: Anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### ***Vì các lẽ trên*** **QUYẾT ĐỊNH**

**Căn cứ:** Khoản 1, 7 điều 28; khoản 1 điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 điều 9, khoản 1 điều 14; điều 81, 82, 83 luật Hôn nhân & Gia đình.

**Xử:** Không công nhận anh **Thái Tuấn P** và chị **Phan Thị S** là vợ chồng.

**Về con chung:** Giao con chung là Thái Phương L – sinh ngày 17/7/2003 cho chị Sinh trực tiếp nuôi dưỡng đến lúc đủ 18 tuổi trưởng thành. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh P.

Anh Thái Tuấn P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

**Án phí:** Căn cứ điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 5 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc anh Thái Tuấn P phải nộp 300.000 đồng án phí Dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng anh P đã nộp tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Yên Thành theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0003752 ngày 12/6/2019. Anh Phương đã nộp đủ án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, anh P có quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị S vắng mặt được quyền kháng cáo bản án lên tòa án cấp phúc thẩm trong hạn 15 ngày nhưng kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi gửi:**

- VKS H. Yên Thành
- Các đương sự
- THA DS H. Yên Thành
- TAND tỉnh
- UBND Xã
- Lưu hs, VP

**Phạm Văn Giang**